TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XM** TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST
Ngày: 28/4/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XM, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thảo.
Các hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Nga.
Ông Nguyễn Ngọc Khanh.
- Thư ký phiên tòa*:* Bà Huỳnh Thị Kim Thùy – Thư ký Tòa án.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 80/2019/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST - HS ngày 12 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2019/HSST – QĐ ngày 25 tháng 12 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/HSST – QĐ ngày 09 tháng 01 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/2020/TB – TA ngày 10 tháng 3 năm 2020; Thông báo hoãn phiên tòa số 20/TB – TA ngày 18 tháng 3 năm 2020; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/2020/TB – TA ngày 10 tháng 4 năm 2020, đối với bị cáo:

Mai Thị T, sinh năm: 1992 tại Bà Rịa – Vũng Tàu;

Nơi cư trú: Tổ 10, ấp NN, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn B, sinh năm: 1960 và bà Võ Thị L, sinh năm: 1961; bị cáo có chồng tên Ngô Anh T, sinh năm: 1985; có 02 con lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo được tại ngoại: Áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, trong thời gian áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú bị cáo bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra ra lệnh truy nã. Bị cáo bị bắt, tạm giữ ngày 19/3/2020, ngày 22/3/2020 chuyển sang tạm giam, ngày 23/3/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn cho bảo lĩnh.

"Bị cáo có mặt"

Bị hại:

- Bà Huỳnh Thị Phương N, sinh năm: 1988; nơi cư trú: Ấp XR, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Có mặt"

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Ông Nguyễn Quốc D, sinh năm: 1983; nơi cư trú: Tổ 8, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Tổ 5, ấp GC, xã PT, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

- Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1972; nơi cư trú: Tổ 11, khu phố XR, thị trấn PB, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

- Bà Dương Thị T, sinh năm: 1970; nơi cư trú: Tổ 2, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

- Ông Trần Văn H, sinh năm: 1981; nơi cư trú: Tổ 11, ấp NN, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Tổ 8, ấp NT, xã XM, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. "Vắng mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng thời gian trước năm 2018, Mai Thị T thường thuê vườn cây ăn trái của một số hộ dân trên địa bàn huyện XM để canh tác và thu hoạch. Quá trình làm, Thi lấy phân bón cho cây tại "Cửa hàng vật tư nông nghiệp Quỳnh Như" tại ấp XR, xã PT, huyện XM do bà Huỳnh Thị Phương N làm chủ với hình thức mua thiếu phân và thanh toán tiền vào cuối mỗi vụ thu hoạch. Đến khoảng đầu năm 2018, Thi không làm nữa và thanh toán đủ tiền mua phân cho Nhu. Trong thời gian này, do nợ nần và không có tiền trả nợ nên Thi nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của Nhu bằng cách nói dối Nhu lấy phân bón cho vườn cây nhưng mục đích để đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Cụ thể, trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2018 đến ngày 05/11/2018 Thi đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của Nhu như sau:

Lần thứ nhất: Ngày 26/7/2018, Mai Thị T đến cửa hàng của chị N nói dối Thi có thuê 01 vườn nhãn lớn tại xã Hòa Hiệp để đầu tư làm trái nên đề nghị Nhu bán thiếu phân bón cuối vụ thu hoạch sẽ trả lại tiền, Nhu đồng ý và mở sổ theo dõi để bán phân thiếu cho Thi. Từ ngày 26/7/2018 đến ngày 25/10/2018, Thi đến cửa hàng chị N lấy phân bón tổng cộng 12 lần, gồm 113 bao phân các loại, trong đó có 62 bao phân bón hiệu Đầu trâu, 44 bao phân tím Hiếu Giang và 07 bao NPK 17 - 12 - 17.

Lần thứ hai: Với thủ đoạn trên, ngày 28/8/2018 Thi tiếp tục đến gặp chị N nói dối vừa mới thuê thêm 01 vườn nhãn nhỏ của ông Nguyễn Văn M tại xã XM để làm trái và đề nghị Nhu bán thiếu phân bón đến cuối vụ thu hoạch sẽ trả lại tiền. Nhu tin tưởng nên đồng ý và mở sổ theo dõi thứ hai bán thiếu phân cho Thi. Từ ngày 28/8/2018 đến ngày 08/10/2018, Thi lấy phân bón của chị N 07 lần gồm 47 bao phân Đầu trâu.

Lần thứ ba: Thấy chị N tin tưởng và không trực tiếp đến vườn để kiểm tra nên ngày 16/9/2018 Thi tiếp tục nói dối Nhu có thuê 01 vườn bưởi (khoảng 700 gốc) có trái nhưng đang nhỏ tại xã Hòa Hiệp của anh Nguyễn Văn Cường và đề

nghị tiếp tục lấy phân bón, chị N đồng ý mở sổ theo dõi thứ ba để bán phân cho Thi. Từ ngày 16/9/2018 đến ngày 05/11/2018, Thi lấy phân bón của Nhu 10 lần gồm 77 bao phân các loại, trong đó có 33 bao phân tím Hiếu Giang, 08 bao phân NPK 17 – 12 – 17 và 36 bao phân Đầu trâu.

Toàn bộ số phân bón sau khi lấy được của Nhu, Thi không bón cho cây mà thuê anh Nguyễn Quốc D (chạy xe ba gác máy) nhiều lần chở phân từ cửa hàng chị N đến bán cho cửa hàng "Dũng Thê" do Nguyễn Thị T làm chủ ở ấp GC, xã PT, huyện XM. Ngoài ra, Thi còn tự mình dùng xe máy chở phân nhiều lần, mỗi lần từ 02 đến 03 bao đến bán cho Thê và Nguyễn Thị G (em của Thê). Thi nói với Thê số phân trên là của Thi và một số hộ dân khác mua để đầu tư bón cho vườn trái cây, do cây hư nên đem bán lại phân. Tổng số tiền Thi bán phân cho Thê khoảng 80.000.000đ, Thi sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân. Tại cơ quan điều tra, Mai Thị T đã khai nhận hành vi của mình như trên.

Vật chứng thu giữ: Sau khi chiếm đoạt 237 bao phân Thi bán cho Nguyễn Thị T, Thê bán lại cho khách hàng nên không thu hồi được. Chiếc xe máy Thi dùng để chở phân Thi đã bán cho người khác, không thu hồi được, điện thoại di động Thi dùng để liên lạc mua, bán phân, đã bị hư, không thu hồi được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL – HĐĐG ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện XM kết luận: tại thời điểm xảy ra vụ án 77 bao phân NPK, hiệu Hiếu Giang trị giá 34.072.500đ, 145 bao phân Đầu trâu, hiệu Bình Điền trị giá 94.250.000đ và 15 bao phân NKP, loại 17 - 12 - 17, nhập khẩu từ Đức trị giá 11.250.000đ. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 139.572.500đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị Phương N yêu cầu bị cáo T phải bồi thường 139.572.500đ, bị cáo T đồng ý và thực hiện bồi thường sau.

Tại phiên toà, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng truy tố.

Tại phiên tòa bị hại Huỳnh Thị Phương N yêu cầu bị cáo phải bồi thường 139.572.500đ, bị cáo đồng ý.

Bản cáo trạng số 77/CT – VKS – XM ngày 18/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Mai Thị T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 174, Điều 38; điểm s, Khoản 1, Điều 51, điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 03 (Ba) năm đến 3 (Ba) năm 6 (tháng) tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và chị Huỳnh Thị Phương N.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng: Đối với 237 bao phân bị cáo bán cho Nguyễn Thị T, Thê bán lại cho khách hàng nên không thu hồi được; đối với xe máy bị cáo làm phương tiện chở phân bị cáo đã bán cho một người không rõ lai lịch nên không thu hồi được; đối với điện thoại di động bị cáo liên lạc để mua, bán phân đã bị hư nên không thu hồi được nên đề nghị không xem xét.

- Bị cáo Mai Thị T nói lời sau cùng: Bản thân bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, đã thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định truy tố: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện XM, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện XM, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đối chiếu với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và những người tham gia tố tụng khác cũng như những tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ là phù hợp. Theo đó xác định được rằng:

Do có mối quan hệ làm ăn từ trước và đã tạo được lòng tin với chị Huỳnh Thị Phương N chủ cửa hàng vật tư nông nghiệp Quỳnh Như tại ấp XR, xã PT, huyện XM nên bị cáo đã nghĩ ra thủ đoạn chiếm đoạt phân bón của chị N bằng cách nói dối chị N rằng bị cáo lấy phân bón của chị N để bón cho vườn cây nhưng mục đích để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân.

Trong khoảng thời gian từ ngày 26/7/2018 đến ngày 05/11/2018 bị cáo đã nhiều lần dùng thủ đoạn gian dối được tính toán từ trước để chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Phương N 237 bao phân các loại trong đó có 145 bao phân Đầu trâu, hiệu Bình Điền, 77 bao phân NPK, hiệu Hiếu Giang, 15 bao phân NPK loại 17-12-17 nhập khẩu từ Đức.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 39/KL – HĐĐG ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện XM tại thời điểm xảy ra vụ án: 145 bao phân Đầu trâu, hiệu Bình Điền trị giá 94.250.000đ, 77 bao phân NPK, hiệu Hiếu Giang trị giá 34.072.500đ, 15 bao phân NPK loại 17-12-17 nhập khẩu từ Đức trị giá 11.250.000đ. Tổng giá trị tài sản thiệt hại là 139.572.500đ (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Như vậy hành vi của bị cáo nêu trên có đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 174 Bộ luật hình sự 2015. Từ đó cho thấy bản cáo trạng số 77/QĐ-KSĐT ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện XM truy tố bị cáo Mai Thị T về tội danh và điều khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nghiêm trọng đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân. Bị cáo muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản nhằm phục vụ nhu cầu của bản thân. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là cấm đi khỏi nơi cư trú. Tuy nhiên bị cáo đã bỏ trốn, sau đó bị bắt theo lệnh

truy nã, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố, xét xử, thể hiện ý thức xem thường pháp luật của bị cáo. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên áp dụng điểm s, Khoản 1, Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để cân nhắc giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Nay bị hại chị Huỳnh Thị Phương N yêu cầu bị cáo phải bồi thường giá trị của 237 bao phân là 139. 572.500 (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Bị cáo đồng ý, xét sự thỏa thuận của các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 237 bao phân mà bị cáo chiếm đoạt của chị Huỳnh Thị Phương N, bị cáo đã bán cho Nguyễn Thị T, Thê đã bán lại cho khách hàng, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với chiếc xe máy bị cáo dùng để chở phân bị cáo đã bán cho người khác không rõ lai lịch, không thu hồi được; điện thoại di động bị cáo dùng để liên lạc mua phân, đã bị hư, không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Đối với Nguyễn Quốc D không biết số phân bón bị cáo thuê chở là do phạm tội mà có và Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị G không biết số phân bón bị cáo mang đến bán là do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ nên không xét.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra bị cáo đã đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại theo yêu cầu của bị hại nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm f, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Mai Thị T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm c, Khoản 2, Điều 174, điểm s, Khoản 1, Điều 51, điểm g, Khoản 1, Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo: Mai Thị T 03 (Ba) năm tù (sau khi trừ đi thời hạn tạm giữ, tạm giam là 05 ngày) bị cáo còn phải chấp hành hình phạt tù là 02 (Hai) năm 11 (Mười một) tháng 25 (Hai mươi lăm) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt để thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015, các Điều 584, 585,586, 589 và 357của Bộ luật dân sự năm 2015, ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại chị Huỳnh Thị Phương N như sau:

Bị cáo Mai Thị T có trách nhiệm bồi thường cho chị Huỳnh Thị Phương N số tiền 139.572.500đ (Một trăm ba mươi chín triệu năm trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 buộc bị cáo Mai Thị T phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- Sở tư pháp tỉnh Bà Rịa –Vũng Tàu;
- VKSND huyện XM;
- Công an huyện XM;
- Chi cục THADS huyện XM;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thảo